

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN H
TỈNH BÌNH THUẬN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 113/2023/HSST

Ngày: 31.8.2023.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN H**

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Nàng Hương.

Các Hội thẩm nhân dân:

1/ Ông Lê Chánh Ngôn.

2/ Ông Thông Minh Tấn.

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà Phạm Thị Ngọc Hiếu – Cán bộ Tòa án nhân dân huyện H tỉnh Bình Thuận.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện H, tỉnh Bình Thuận tham gia phiên tòa: ông Lê Đức Dũng – kiểm sát viên.

Ngày 31.8.2023 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện H, tỉnh Bình Thuận xét xử sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số 104/2023/TLST-HS ngày 01 tháng 8 năm 2023 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 92/2023/QĐXXST-HS ngày 11.8.2023 đối với bị cáo:

Nguyễn Thị H1 - sinh năm 1978, tại Nghệ An; Giới tính: Nữ.

Nơi đăng ký HKTT: khu phố X, thị trấn Y, huyện H, tỉnh Bình Thuận.

Chỗ ở hiện nay: thôn W, xã Q, huyện H, tỉnh Bình Thuận.

Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: không.

Trình độ học vấn: 04/12; Nghề nghiệp: làm nông.

Tiền án, tiền sự: Không.

Cha: Nguyễn Văn C – (chết); Mẹ: Nguyễn Thị M– sinh năm 1943, cư trú tại thị trấn O, huyện O, tỉnh Nghệ An.

Gia đình bị cáo có 07 anh chị em, lớn nhất sinh năm 1965, nhỏ nhất sinh năm 1980, bị cáo là con thứ 6 gia đình; Cùng cư trú tại: thị trấn O, huyện O, tỉnh Nghệ An.

Chồng: Đào Xuân S – sinh năm 1971 (đã ly hôn năm 2019); Con: 04 người con, lớn nhất sinh năm 1999, nhỏ nhất sinh năm 2020; Cùng cư trú tại: thôn W, xã Q, huyện H, tỉnh Bình Thuận.

Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú. Có mặt

Người làm chứng: ông NLC - sinh năm 1999. Địa chỉ: thôn Hiệp Nghĩa, xã Tân Thuận, huyện H, tỉnh Bình Thuận. Vắng mặt

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Đầu năm 2021, Nguyễn Thị H1 (sinh năm 1978, trú khu phố X, thị trấn Y, huyện H, tỉnh Bình Thuận) liên hệ với một người tên Mạnh (không xác định được nhân thân, lai lịch) thông qua mạng xã hội để đặt làm 01 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (GCNQSDĐ) giả với số tiền 33.000.000 đồng. H1 cung cấp các thông tin cho Mạnh. Sau đó, Mạnh đã làm 01 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất giả số CM 468662, thửa đất số 02, tờ bản đồ số 02, địa chỉ: thôn W, xã Q, huyện H, tỉnh Bình Thuận, diện tích: 1.400m², mang tên bà Nguyễn Thị H1, sinh năm 1978, CMND số: 261474699, địa chỉ thường trú: thị trấn Y, huyện H, tỉnh Bình Thuận, do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bình Thuận cấp ngày 21/8/2020. Mạnh mang GCNQSDĐ giả này tới thành phố Phan Thiết và giao cho H1, đồng thời H1 đưa cho Mạnh 33.000.000 đồng như đã thỏa thuận. Ngày 09/6/2021, H1 vay của ông NLC (sinh năm 1999, trú thôn Hiệp Nghĩa, xã Tân Thuận, huyện H) với tiền 50.000.000 đồng. Việc vay mượn tiền này được lập thành hợp đồng và chứng thực tại Văn Phòng công chứng Hà Văn Hải ở thị trấn Y, huyện H, tỉnh Bình Thuận. Sau khi lập hợp đồng vay tiền, H1 đưa Giấy GCNQSDĐ giả nêu trên cho Mạnh giữ để làm tin (sự việc này không được ghi nhận trong hợp đồng vay tiền). Quá trình vay, H1 trả lãi cho NLC được khoảng 16 tháng (mỗi tháng 2.500.000 đồng) thì không còn khả năng chi trả. Đến ngày 27/10/2022, NLC mang GCNQSDĐ này đến Chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai huyện H để kiểm tra thì phát hiện đây là GCNQSDĐ giả.

Kết luận giám định số 237/KL-KTHS ngày 14/3/2023 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Bình Thuận, kết luận: Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CM 468662 mang tên bà Nguyễn Thị H1, sinh năm 1978, CMND số: 261474699, địa chỉ thường trú: thị trấn Y, huyện H, tỉnh Bình Thuận là giả.

Vật chứng vụ án: Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CM 468662 mang tên bà Nguyễn Thị H1, sinh năm 1978, CMND số: 261474699, địa chỉ thường trú: thị trấn Y, huyện H, tỉnh Bình Thuận là giả hiện đang tiếp tục lưu giữ trong hồ sơ vụ án.

Về trách nhiệm dân sự: Đối với số tiền 50.000.000 đồng mà Nguyễn Thị H1 vay của NLC, do không liên quan đến vụ án nên không đề cập giải quyết.

Tại bản cáo trạng số 108/CT-VKSHTN- HS ngày 27.7.2023 của Viện kiểm sát nhân dân huyện H truy tố Nguyễn Thị H1 “Sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức” quy định tại khoản 1 Điều 341 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện H thực hành quyền công tố luận tội, tranh luận và phát biểu quan điểm xử lý vụ án như sau: Viện kiểm sát nhân dân huyện H giữ nguyên quyết định truy tố đối với bị cáo Nguyễn Thị H1; Đề nghị Hội đồng xét xử:

Tuyên bố: Nguyễn Thị H1 phạm tội: “Sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức”.

Áp dụng: Khoản 1 Điều 341 Bộ luật hình sự, điểm s, i khoản 1 Điều 51 và khoản 2 Điều 51, Điều 38 của Bộ luật hình sự.

Đề nghị xử phạt: Nguyễn Thị H1 từ 06 (sáu) tháng tù đến 09 (chín) tháng tù.

Về xử lý vật chứng: đối với 01 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất số CM 468662 mang tên bà Nguyễn Thị H1, sinh năm 1978, CMND số:261474699, địa chỉ thường trú: thị trấn Y, huyện H, tỉnh Bình Thuận là giả nên tiếp tục lưu giữ trong hồ sơ vụ án.

Về trách nhiệm dân sự: Đối với số tiền 50.000.000 đồng Nguyễn Thị H1 vay của NLC, đây là giao dịch dân sự, không liên quan đến vụ án nên không đề cập giải quyết.

Tại phiên tòa, bị cáo thống nhất quan điểm luận tội của Viện kiểm sát, không tranh luận, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] 1.1 Về tố tụng: Trong các giai đoạn tố tụng từ khi khởi tố vụ án cho đến khi kết thúc việc truy tố, các hành vi, quyết định của Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện H, tỉnh Bình Thuận, Điều tra viên, Cán bộ điều tra, Viện kiểm sát nhân dân huyện H, tỉnh Bình Thuận, Kiểm sát viên đều được thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo và những người tham gia tố tụng trong vụ án không khiếu nại, tố cáo về hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng và người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng và người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

1.2 Người làm chứng NLC đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt tại phiên tòa. Xét thấy, sự vắng mặt của người làm chứng không gây trở ngại cho việc

xét xử. Căn cứ Điều 293 của Bộ luật tố tụng hình sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án.

[2] Về hành vi và tội danh: Tại phiên tòa, bị cáo Nguyễn Thị H1 thừa nhận hành vi phạm tội. Lời khai nhận tội của bị cáo Nguyễn Thị H1 thống nhất, phù hợp với các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, đủ cơ sở để kết luận:

Bị cáo Nguyễn Thị H1 là một công dân có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự, bị cáo hoàn toàn nhận thức được hành vi sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức là hành vi vi phạm pháp luật. Tuy nhiên, vì hoàn cảnh gia đình gặp nhiều khó khăn nên vào đầu năm 2021, bị cáo đã bất chấp quy định của pháp luật, trực tiếp liên hệ và thuê người làm giả 01 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất giả mang tên Nguyễn Thị H1, sau đó đem về nhà ở thôn W, xã Q, huyện H, tỉnh Bình Thuận, nhằm mục đích vay tài sản để tiêu xài cá nhân, tuy nhiên quá trình thực hiện đã bị cơ quan nhà nước có thẩm quyền phát hiện Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất trên là giả.

Hành vi của bị cáo Nguyễn Thị H1 là cố ý, đủ yếu tố cấu thành tội “Sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức”, tội phạm và khung hình phạt được quy định tại khoản 1 Điều 341 Bộ luật hình sự, như nội dung Cáo trạng đã truy tố và quan điểm của Viện kiểm sát tại phiên tòa là đúng quy định của pháp luật.

[3] Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

Trong quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa, bị cáo đã thành khẩn khai báo; bị cáo phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; bị cáo có hoàn cảnh khó khăn (hiện đang nuôi con nhỏ dưới 36 tháng tuổi). Đây là những tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm i, s khoản 1 Điều 51 và khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự 201, cần áp dụng đối với bị cáo Nguyễn Thị H1. Bị cáo Nguyễn Thị H1 không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

[4] Về quyết định hình phạt: Hành vi của bị cáo Nguyễn Thị H1 là nguy hiểm cho xã hội, đã trực tiếp xâm phạm đến trật tự quản lý hành chính của nhà nước, của tổ chức trong lĩnh vực quản lý hành chính nhà nước về con dấu, tài liệu; gây ảnh hưởng xấu đến uy tín của cơ quan, tổ chức trong lĩnh vực quản lý hành chính nhà nước về con dấu, tài liệu; gây ảnh hưởng xấu đến tình hình trật tự, trị an ở địa phương. Mặc dù bị cáo chưa có tiền án, tiền sự, có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự; tuy nhiên xét tính chất nguy hiểm của hành vi phạm tội mà bị cáo đã thực hiện, cần thiết phải cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một khoảng thời gian để giáo dục, cải tạo bị cáo thành công dân tốt cho gia đình và xã hội; đồng thời, góp phần răn đe, giáo dục và phòng ngừa tội phạm chung.

[5] Vật chứng thu giữ trong vụ án là 01 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất số CM 468662 mang tên bà Nguyễn Thị H1, sinh năm 1978, CMND số:261474699, địa chỉ thường trú: thị trấn Y, huyện

H, tỉnh Bình Thuận. Xét đây là tài liệu giả của cơ quan tổ chức đồng thời là vật chứng của vụ án, do vậy cần tiếp tục lưu giữ trong hồ sơ vụ án.

[6] Đối với việc Nguyễn Thị H1 đưa GCNQSDĐ giả cho NLC: quá trình điều tra và tại phiên tòa xác định, bị cáo Nguyễn Thị H1 và NLC có tới Văn phòng công chứng Hà Văn Hải để lập hợp đồng vay số tiền 50.000.000 đồng của NLC. Sau khi lập hợp đồng vay tiền và được chứng thực của Văn phòng công chứng thì bị cáo Nguyễn Thị H1 mới đưa cho NLC giữ GCNQSDĐ giả của bị cáo để làm tin. Quá trình vay, bị cáo Nguyễn Thị H1 đã thực hiện nghĩa vụ trả lãi cho NLC được 16 tháng với tổng số tiền lãi là 40.000.000 đồng, cho thấy bị cáo không có ý thức dùng GCNQSDĐ giả này để chiếm đoạt số tiền 50.000.000 đồng của NLC, hành vi này chưa đủ yếu tố cấu thành tội phạm, do đó Cơ quan cảnh sát điều tra không đề cập xử lý là có căn cứ.

[8] Đối với việc NLC cho bị cáo Nguyễn Thị H1 vay số tiền 50.000.000 đồng với lãi suất 5%/ tháng, tương đương 60%/ năm. Cơ quan cảnh sát điều tra công an huyện H không đề cập xử lý đối với NLC về tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự” quy định tại Điều 201 Bộ luật Hình sự là có căn cứ.

Đối với đối tượng tên Mạnh, là người đã bán GCNQSDĐ giả nêu trên cho bị cáo Nguyễn Thị H1 đến nay không xác minh được nhân thân, lai lịch nên không có căn cứ để xử lý.

[9] Đối với số tiền 50.000.000 đồng mà bị cáo Nguyễn Thị H1 vay của NLC, đây là giao dịch dân sự giữa bị cáo và NLC, không liên quan đến vụ án này nên Hội đồng xét xử không xét. Ông NLC có quyền khởi kiện trong một vụ án dân sự khác nếu có yêu cầu.

[10] Về án phí: Bị cáo Nguyễn Thị H1 phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố: Bị cáo Nguyễn Thị H1 phạm tội: “Sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức”.

Căn cứ: Khoản 1 Điều 341, điểm i, s khoản 1 Điều 51 và khoản 2 Điều 51, Điều 38 của Bộ luật hình sự 2015.

Xử phạt: Bị cáo Nguyễn Thị H1 06 (sáu) tháng tù, thời gian chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị bắt đi thi hành án.

2. Về án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; điểm a khoản 1 Điều 23 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Buộc bị cáo Nguyễn Thị H1 phải nộp 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

3. Về kháng cáo: Bị cáo có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (31.8.2023).

Nơi nhận:

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM.
- Như Điều 262 Bộ luật tố tụng Hình sự 2015. **THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**
- Lưu hồ sơ.

Nguyễn Thị Nàng Hương

